



CHUNG QUANH VIỆC HỌC

Bùi Trọng Liễu

Nguyên Giáo sư Đại học (Paris, Pháp)

Nxb Thanh Niên 2004

PHẠM VĂN MINH tổng hợp

<http://phamvanminh2010.blogspot.com/>

Mục lục

Phần 1: Lời nói đầu	3
Phần 2: Về sự học giỏi, trí thông minh và nhân tài.....	10
Phần 3: Về cách học của người xưa	22
Phần 4: Vấn đề trường công và trường tư.....	38
Phần 5: Về cách tổ chức đại học ngày nay.....	48
Phần 6: Mất, hút và ủ chất xám	80
Phần 7: Việc học và phi lý tính	99
Phần 8: Thời niên thiếu và việc Học.....	111
Phần 9: Học và Hạnh	120
MỘT THOÁNG BÙI TRỌNG LIỄU.....	151

Phần 1: Lời nói đầu

1.- Trong một bài văn bia kỷ niệm, tôi có viết một cách dè dặt : « Đất nước thịnh hay suy, một phần là do nền học vấn ». Thực ra, trong thâm tâm, tôi vẫn nghĩ rằng « phần chính là do nền học vấn ». Đúng hay sai, xin tùy người đọc suy xét. Là một nhà khoa học định cư từ lâu năm ở nước ngoài, hướng về quê hương cũ, tôi cũng mong được góp phần vào việc phục hưng trí tuệ. Vì thế nên tôi viết cuốn sách này.

2.- Tôi xin được nói vài lời về thể loại. Cuốn sách được chia làm nhiều phần, theo đề tài. Một số ý kiến tôi phát biểu đã được đăng tải mạn trong một số bài báo, và vì là bài báo có mang chút hơi hướng học thuật, tôi có ghi thêm một số chú thích để làm rõ thêm mà không ngắt ý đang diễn tả. Tôi sẽ dùng những đoạn của các bài báo đã sẵn có này bằng cách sắp xếp lại cho có thứ tự theo đề tài. Tuy nhiên, có những trường hợp không làm như thế được, thì sau những lời tóm tắt ý chính, tôi sẽ ghi lại toàn bộ bài báo dưới hình thức những tài liệu kèm theo.

Tôi cũng xin được nhắc một câu chuyện cổ Trung quốc (thời Chiến quốc, khoảng những năm 403-256 trước Tây lịch) :

Vua nước Lương bảo Huệ tử : « Nói gì thì cứ nói thẳng, đừng nói thí dụ ». Huệ tử hỏi vua : « Có một người không biết cái nỏ là cái gì, mới hỏi tôi tình trạng cái nỏ như thế nào. Nếu tôi đáp rằng cái nỏ giống như cái nỏ, thì người ấy có hiểu được không ? ». Vua trả lời: « Hiểu thế nào được ». Huệ tử lại hỏi : « Thế nếu tôi bảo người ấy rằng cái nỏ giống như cái cung, nhưng có cán có lẫy, thì người ấy có hiểu được không ? ». Vua trả lời : « Hiểu được ». Huệ tử kết luận : « Vì thế mà nói thí dụ cho dễ hiểu ».

Trong sách này, khi cảm thấy cần thiết, tôi cũng xin dùng cách phát biểu qua thí dụ, theo kiểu Huệ tử.

Tôi không tìm được cách nào tốt hơn để phát biểu ý mình, nên đành tiến hành như vậy, chẳng biết đó là thể loại gì. Nhưng tôi không phải là người câu nệ ; tôi chỉ nhắm sao cho thông tin tới được người đọc.

3.- Tôi cũng xin được nói về cách hành văn. Do xuất ngoại từ thuở còn niên thiếu với chút vốn tiếng Việt học được lúc còn nhỏ, tôi chỉ muốn viết được một cách bình dị, cho nên chưa chắc đã đúng chuẩn ngày nay dưới mắt một số người. Cách đây vài năm, một nhà báo, nhân dịp sang

Pháp, khi ghé thăm tôi, có nhã ý bảo tôi rằng tôi viết tiếng Việt « chuẩn xác đến hơn chín mươi phần trăm ». Tôi nghĩ rằng anh muốn khích lệ tôi ; nhưng giả sử có đúng sự thực đi nữa, thì non mười phần trăm còn lại kia vẫn làm tôi băn khoăn. Trong một khung cảnh toàn cầu hóa, ở một giai đoạn mà một xã hội mới mở cửa, đang thay đổi, gặp nhiều khái niệm mới, vấn đề tạo từ ngữ mới luôn luôn được đặt ra nhưng chưa được chuẩn hoá, tôi đã cố thận trọng và khiêm tốn trong cách viết, trong đó có việc tra từ điển và tham khảo các ý kiến cần thiết.

Người xưa chia ra mấy thể văn : vận văn (văn vần), tản văn (văn xuôi) và biền văn (văn đối nhau), người xưa còn phân biệt hai loại văn: văn thượng ý (văn có mang nhiều ý, mà cách viết giản dị) và văn thượng từ (lời cần chải chuốt đẹp đẽ, nhưng ý nghĩa thì lắm khi không được dồi dào). Tôi không dám mơ tưởng đến loại văn thượng từ, một phần vì bản thân vốn không ưa, một phần vì mục đích của tôi chỉ là phát biểu được ý kiến, mà không có tham vọng văn học. Và lại tôi hãi, mỗi khi nhớ đến câu nói đùa cay nghiệt của một tác giả Pháp về « văn sáo », nghĩa là về một thứ con cháu biền thể của văn thượng từ, mà ông ta cho là thể hiện một thứ « táo bón về tư duy và ỉa chảy về ngôn ngữ » (constipation de l'esprit et diarrhée verbale).

Tóm lại, khi viết, với tư cách là tác giả, tôi chịu trách nhiệm không những về những ý kiến phát biểu mà còn cả về cách hành văn của mình. (Xin xem thêm Tài liệu 1.1 dưới đây : bài báo « Hơn oan Thị Kính » của tôi đăng trên tạp chí Tia Sáng tháng 9/2002, trang 7).

4. Trong mấy chục năm qua và ngày nay, không ít người bị hấp dẫn bởi cách tổ chức giáo dục đào tạo của mấy nước lớn. Điều này phần nào cũng hợp lý, vì tổ chức giáo dục đào tạo của họ có tốt thì họ mới giàu mạnh. Tuy nhiên, ta có hội tụ đủ các điều kiện để tổ chức giống như họ không ? Nếu không thì có lẽ không nên áp dụng nguyên si, mà « liệu cơm gắp mắm ».

Tôi nhớ đọc trong sách Hoàng Lê nhất thống chí (có bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch, nxb Văn Học, Hà Nội) câu chuyện như sau:

Thuở quân Thanh sang xâm chiếm nước ta, lúc đầu thế quân rất mạnh. Tướng Tây Sơn Ngô Văn Sở giữ thành Thăng Long sợ, họp các tướng võ quan văn bàn cách chống giữ. Chương phủ là Nguyễn Văn Dựng bàn rằng: « Cuối đời Trần, nhà Minh xâm lấn nước ta. Vua Lê Thái tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, thế lực tuy kém kẻ địch, nhưng hành binh quí quyết, mưu mẹo khôn ngoan, dùng cách mai phục, đánh úp khi địch không phòng bị, mà lập nên võ công tuyệt lạ. Nay quân Thanh ở xa đến, phải trèo đèo vượt suối, ta lấy quân nghỉ ngơi mà đón đánh quân mệt nhọc, nhắm trước các nơi xung yếu, cho quân nấp sẵn để chờ. Cứ theo kế ấy, lo gì không thắng? ». Ngô Thì

Nhậm trả lời : « Không phải vậy ! « Tình » tuy giống nhau, mà « thế » lại khác nhau. Xưa, quân nhà Minh chiếm nước ta, làm điều tàn bạo, người cả nước ta ai cũng muốn đuổi chúng đi. Cho nên vua Lê Thái tổ chỉ gọi một tiếng là xa gần hưởng ứng. Mỗi lúc đánh nhau với giặc, hễ chỗ nào có quân mình mai phục, người mình đều giấu kín cho, khiến giặc không hề biết. Vì thế mà thắng được giặc. Ngày nay, những bề tôi của nhà Lê, nghe tin quân Thanh mượn cớ sang cứu giúp, họ đều ngẩn cổ mà trông. Sĩ dân cả nước giành nhau mà đón chúng. Quân mình nhiều hay ít, mai phục ở nơi nào, họ đem báo cho quân địch, như vậy làm sao mà đánh úp chúng được mà chỉ tự mình hãm mình vào chỗ chết. Đánh không được, giữ không vững, chỉ có cách lui quân về giữ chỗ hiểm yếu, để đợi thời cơ,... »

Cũng vì biết cái « thế » mà Ngô Thì Nhiệm đã góp phần vào việc đại thắng quân Thanh của vua Quang Trung sau đó.

Cũng trong cái ý « tùy thời, tùy hoàn cảnh, giải pháp có đúng thì mới thành công ; nếu không thì hỏng việc », tôi xin được nhắc lại một câu chuyện cổ bên Tàu thời Đông Chu liệt quốc, kể trong « Sử ký » của Tư Mã Thiên (có bản dịch của Nhữ Thành, nxb Văn Học, Hà Nội):

Phạm Lãi, sau khi giúp cho vua Câu Tiễn nước Việt thành công, sợ bị hại, nên lánh sang đất Đào, người đời gọi là Đào Chu công. Đào Chu công có ba người con trai : hai người con lớn sinh ra lúc còn nghèo khó, người con út sinh ra lúc đã giàu sang. Khi người con út đã lớn, thì người con thứ hai, vì giết người, nên bị tù, đợi tội chết ở đất Sở. Đào Chu công mới sai người con út mang nghìn vàng đi chuộc tội cho anh. Nhưng người con cả khóc lóc đòi đi, viện lý lẽ rằng mình là con cả, từ trước đến nay mọi việc lớn nhỏ trong nhà đều được tham gia lo liệu, nay có việc quan trọng như vậy mà không được giao nhiệm vụ ; lại đe nếu không được đi thì tự tử. Bà mẹ cũng cố xin. Đào Chu công bắt đắc dĩ phải để cho đi, nhưng trao một lá thư gửi cho người bạn cũ là Trang Sinh ở đất Sở, và dặn con rằng: « Khi sang đến nơi thì đưa nghìn vàng cho ông ta, để mặc ông ta lo liệu, chớ có cậy khôn mà hỏng việc! ». Người con cả, khi đi, cũng tự đem thêm vài trăm nén vàng riêng.

Khi vào đến đất Sở, người con cả tìm đến nhà Trang Sinh đưa thư, và dâng nghìn vàng như lời cha dặn. Trang Sinh nói : « Anh nên về ngay, chớ ở lại đây, mặc tôi lo liệu ; sau này, người em có được tha, cũng chớ hỏi tại sao ». Người con cả không về, mà ngằm ở lại, đem số vàng riêng của mình biểu một người thân của vua Sở để định xin cho em.

Trang Sinh vốn là người thanh liêm, đạo đức, được vua Sở rất tôn trọng. Khi nhận được thư của Đào Chu công, muốn giúp, và không có ý nhận vàng, định sau này xong việc sẽ trả lại. Người thời ấy còn tin nhầm vào điềm lành điềm dữ. Trang Sinh vào thăm vua Sở, nói riêng rằng : « Tôi xem thiên văn, thấy có điềm dữ, có hại cho nước Sở ». Vua Sở vốn tin Trang Sinh, liền hỏi : « Bây giờ phải làm thế nào ? ». Trang Sinh bèn nói : « Chỉ có cách dùng đức, đại xá cho dân, thì có thể tránh được điềm dữ này ». Vua Sở nghe lời, sửa soạn định hôm sau sẽ ân xá tội nhân.

Người thân của vua Sở, nghe tin, nhưng không biết là tại lời nói của Trang Sinh, mới bảo người con cả của Đào Chu công là vua Sở sắp đại xá. Người con cả mới nghĩ rằng, nếu đại xá, thì em mình thế nào cũng được tha, như vậy uổng mất nghìn vàng biếu Trang Sinh vô ích, liền lại đến nhà Trang Sinh. Trang Sinh giật mình hỏi : « Sao anh chưa về ? ». Người con cả bèn nói : « Tôi ở nán lại nghe tin, nay được biết vua Sở sắp đại xá, chắc em tôi sẽ được tha, nên lại chào cụ để về ». Trang Sinh biết ý hẳn muốn lấy lại vàng, liền bảo vào lấy vàng mà về.

Và vì tức giận bị coi rẻ, Trang Sinh bèn vào ra mắt vua Sở mà nói rằng : « Hôm trước, tôi có nói chuyện xem thiên văn thấy điềm dữ, nhà vua nói sẽ sửa đức để bù lại, và muốn đại xá. Nay tôi nghe đâu đâu cũng đồn rằng con Đào Chu công giết người bị tội ở đây, nhà nó đem vàng đút lót cho các quan hầu nhà vua, vì vậy nhà vua đại xá không phải vì thương dân Sở, mà chỉ vì thằng con Đào Chu công đó thôi ». Vua Sở giận, nói rằng : « Ta đây tuy kém đức thật, nhưng lẽ nào vì thằng con Đào Chu công mà phải ra ân ». Rồi làm án giết người con Đào Chu công, sau mới ra lệnh đại xá.

Rốt cuộc, người con cả Đào Chu công không cứu được em, chỉ mang được xác về. Bà mẹ thương khóc ; Đào Chu công mới nói rằng : « Thằng con cả, không phải là không yêu em nó. Nhưng nó từ nhỏ đã từng chịu khổ, biết công việc làm ăn khó nhọc, nên bỏ của thì tiếc, nay tiếc số vàng thành ra hỏng việc. Còn thằng con út, để ra đã thấy giàu sang, nào có biết tiền bạc ở đâu mà ra, cho nên thường phung phí, chẳng biết tiếc rẻ của cải. Vì thế nên mới định sai nó đem vàng đi cứu anh nó... ».

Cũng vì giải pháp áp dụng sai và dùng người sai, nên hỏng việc là thế.

Trở lại chuyện ngày nay : nước ta không lớn, lại có ý chí muốn vươn lên, nhưng phương tiện chưa phải là dồi dào ; nước ta là một khối thuần nhất, không phải là một nước liên bang ; nước ta không phải là một nước có truyền thống nhập cư để thu hút trí tuệ nơi khác đến để chấp nhận họ trở thành người Việt Nam (có lẽ trừ đối với người Hoa); dân ta ngày nay có đang ở thời kỳ mà mỗi

người chịu thất lưng buộc bụng để con cháu sau này cùng được hưởng chung không ? ... Chỉ nhìn những khía cạnh đó cũng thấy là mỗi vấn đề nêu ra, tất có ý kiến này ý kiến nọ. Vì vậy, thử bàn xem ý nào phù hợp ... Trong nước không thiếu người quan tâm đến giáo dục đào tạo ; những người đó cũng tựa như những người đã/đang tham gia xây dựng, tu sửa một tòa thành. Tôi tuy là kẻ ở xa nhưng có lẽ vì thế mà có cái nhìn « toàn cảnh », thiết tưởng có góp vài ý cũng chẳng phải hoàn toàn là vô ích, dù cho những ý này cũng có « tính thời gian » của chúng (phù hợp cho lúc này và một số năm sau, nhưng không phải là vĩnh viễn).

5.- Từ hơn ba chục năm nay, tôi đã gửi nhiều thư kiến nghị về việc học. Gần đây hơn, khi tình hình cho phép, tôi đã cố gắng phát biểu trên mặt báo. Bởi vì, tôi thấy: ngày nay, khác với thuở xưa, người ta không chỉ viết « thư điều trần » gửi lên một vị hay một tập thể nguyên thủ. Những bài báo, những cuốn sách, những công trình nghiên cứu, những sáng tác, những cuốn phim, những phát biểu qua phương tiện truyền thông ... về những suy nghĩ và nhận xét, với những lời bàn phải trái khen chê, phải chăng cũng là những bản điều trần gửi tới cả dân tộc Việt Nam ? Có điều là vàng, thau hay ngọc, đá, chắc gì đã dễ phân biệt ?

Tôi cũng xin được nhắc lại một câu chuyện cổ Trung quốc mang tính ngụ ngôn : chuyện « Viên ngọc họ Hoà » :

Thời Chiến quốc, nước Sở có người họ Hoà tìm được ngọc trong núi, đem dâng vua Lê vương. Vua sai thợ ngọc xét, thợ ngọc nói : « Đá, không phải ngọc ». Vua giận, cho là họ Hoà nói lừa, sai chặt chân trái. Khi vua Vũ vương nối ngôi, họ Hoà lại đem dâng ngọc. Vua lại sai thợ ngọc xét, thợ ngọc nói : « Đá, không phải ngọc ». Vua giận, sai chặt chân phải họ Hoà. Đến khi vua Văn vương lên ngôi, họ Hoà ôm viên ngọc, khóc ở chân núi ba ngày ba đêm, nước mắt chảy thành máu. Vua sai người đến hỏi ; họ Hoà thưa rằng : « Tôi khóc không phải vì thương hai chân tôi, mà vì thương ngọc mà cho là đá, nói đúng mà cho là nói sai ». Vua sai người xét lại cho thật kỹ, đục lớp đá ngoài ra, thì trong quả là viên ngọc quý, ở chỗ tối phát ra ánh sáng, để ở chỗ ngòi, mùa đông có thể thay cho lò sưởi, mùa hè có thể thay quạt mát, trong vòng năm bước, ruồi nhặng không dám đậu đến. Vua sai đặt tên là « viên ngọc họ Hoà ». Chung quanh viên ngọc này, còn nhiều mẩu chuyện khác. Thí dụ như : cuối thời Chiến quốc, nước Tần mạnh, lập kế muốn đoạt viên ngọc họ Hoà lúc đó đang thuộc vua Triệu, nên giả đem 15 thành đổi lấy viên ngọc này, nhưng không thành (tích Lạn Tương Như hai lần « khuất » vua Tần). Rồi đến khi Tần Thủy hoàng thống nhất nước Tàu, lên ngôi hoàng đế, sai thợ khéo chạm trở viên ngọc họ Hoà thành ấn, gọi là ngọc tử, vv.

Tất cả để nói lên cái quý của viên ngọc, mà một thời vì sự thiếu hiểu biết của vài người, nên đã bị coi là vô giá trị.

Tất nhiên ngày nay không có việc chặt chân, mà đôi khi còn có lời úy lạo; tôi lại không tự sánh mình với họ Hoà dâng ngọc. Có điều là phần lớn vấn đề « Học » thì vẫn còn đó.

Tài liệu 1.1

Hơn oan Thị Kính

(Bài của Bùi Trọng Liễu đăng trên Tia Sáng tháng 9/2002)

Theo Quan âm tân truyện, truyện thơ nôm lục bát : Thị Kính lấy chồng là Thiện Sĩ ; một đêm chồng học quá khuya, mệt ngủ thiếp đi, bà ngồi khâu bên cạnh, thấy có sợi râu mọc ngược, sẵn dao trong tay, muốn cắt đi. Chồng chợt tỉnh dậy, ngỡ vợ muốn giết mình, hô hoán lên. Cha mẹ chồng cũng một mực đổ tội. Cha mẹ đẻ cũng không bênh. Thị Kính bị đuổi đi, phải giả trai, vào chùa làm tiểu. Thị Mầu lên chùa, thấy chú tiểu sinh đẹp, phải lòng mê, nhưng không được thoả mãn, về ăn nằm với người đầy tớ trai, có mang, bị làng bắt vạ, bèn đổ cho chú tiểu. Sau khi sinh, Thị Mầu đem con lên chùa phó mặc cho chú tiểu ; Thị Kính thương đứa trẻ, đành nuôi nấng từ tế. Mấy năm sau, Thị Kính mất, lúc liệm thi hài, mọi người mới rõ chú tiểu là phụ nữ, và nổi oan mới được cởi. « Oan Thị Kính » đã trở thành một cụm từ quen thuộc để chỉ nỗi oan nặng nề ghê gớm.

Nhưng oan của Thị Kính rốt cuộc còn được giải. Có một nỗi oan, có thể bị « tiếng đẽ đời », có khi không bao giờ được cởi : đó là cái oan của tác giả bài viết bị sửa câu chữ.

Tôi nhớ thuở tôi còn nhỏ, đã một lần được chứng kiến một bà đọc bài thơ « Nhớ rừng » của Thế Lữ : Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt ... Con hổ mà « gặm », mà lại gặm một « khối » căm hờn, thì hay quá đi rồi. Nhưng bà này cho rằng tiếng ta không ai nói gặm căm hờn cả, phải nói « ngậm » một « mối » căm hờn mới đúng, kiểu như « ngậm đắng nuốt cay »; vì thế nên bà lâu lâu trách nhà in in sai, và cầm bút sửa. Nhưng trong trường hợp này, bà chỉ sửa bản cái bản của bà đã mua mà thôi, không hại gì đến tác giả cả, đây cũng là cái may.

Từ một số năm nay, tôi có một số bài đăng trên báo trong nước. Có trường hợp là bài tôi gửi đăng, có trường hợp là bài mà báo tự trích đăng. Có báo đăng nguyên văn, đó là điều rất quý, trường hợp này không liên quan đến nội dung lời tôi đang trình bày. Nhưng có báo đăng với câu chữ « được »

sửa hay thêm bớt, mà không hỏi ý. Tôi nghĩ rằng có thể đây cũng là do thiện ý, ngỡ rằng sửa như vậy là giúp cho bài viết được hoàn hảo hơn, nhất là trong trường hợp của một tác giả đã định cư lâu năm ở nước ngoài như tôi, có thể dùng từ không hoàn toàn phù hợp với từ thông dụng trong nước. Nhưng chắc gì trong mọi tình huống, người sửa đã hiểu lý do dùng từ của tác giả, đặc biệt là trong một giai đoạn mà xã hội đang thay đổi, vấn đề tạo từ ngữ mới luôn luôn được đặt ra nhưng chưa được chuẩn hoá ? Quan trọng hơn là sự thêm vào bài trích đăng, một hay nhiều chú thích về những sự kiện (lịch sử to hay nhỏ) chưa được xác định, đồng thời lại không ghi đó là chú thích của toà soạn chứ không phải là của tác giả. Cũng lại có trường hợp mà vài từ « cực cấp » (superlatif) được thêm vào bài - là điều mà tôi rất kị - vì tôi viết bài để phát biểu ý kiến, theo kiểu văn « thượng ý », chứ không có mục đích văn học như một số người chuộng văn « thượng từ », (lời lẽ chải chuốt bóng bẩy mà không cần tải ý dồi dào). Vì thế mà gây ra nỗi oan cho tác giả. Thiết tưởng, giả thử khi thấy bài có những khiếm khuyết, tốt hơn cả là hội ý trước khi đăng, nhất là ngày nay đã có phương tiện truyền thông rất nhanh chóng và thuận tiện.

Tất nhiên, ở đây, tôi không đem trường hợp cá nhân của tôi để than phiền, mà mục đích của tôi là đề cập đến một khía cạnh cần thiết cho một lề lối làm việc. Có thể rằng nền văn học của ta, xưa chủ yếu là văn học truyền khẩu, sách vở không có truyền thống in ấn rộng rãi, ghi chép tay thì dễ tam sao thất bản, cho nên không quen trọng sự chính xác. Lại thêm quen « chín bỏ làm mười », không phải là cách làm việc của một nước công nghiệp phát triển. Nhưng ngày nay, khi công nghệ đã tiến tới mức độ chính xác cao, thí dụ đo lường ở mức nano-mét (một phần tỉ mét), thiết tưởng tư duy cũng nên đổi mới cho phù hợp. Đồng thời cũng tránh được cho các tác giả, mỗi oan có những câu không thật sự của mình viết ra.

Phần 2: Về sự học giỏi, trí thông minh và nhân tài

Kể từ ngày Cách mạng Tháng tám thành công, mặc dù phải trải qua hai cuộc kháng chiến, giáo dục đào tạo ở ta có lúc được coi là đã đạt được những thành quả lớn. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, thiết tưởng cũng nên cố gắng có một số nhận xét khách quan, để rồi có thể tiếp tục có những bước tiến vững chắc.

Về mặt trí tuệ, tương đối khó đo lường, tôi thiết tưởng, không phải là tự ti khi chủ trương, trong cách đánh giá, nên « nhìn lên » (tìm cái hay nơi người khác để vươn lên bằng hay hơn người ta) chứ đừng « nhìn xuống » (tìm cái dở nơi người khác để tự phụ rằng mình ít nhất cũng hơn được loại người đó). Vấn đề là ở chỗ khi mình đã có sẵn một số tiềm năng, không nên tự mãn, mà nên tìm cách tổ chức sao cho những tiềm năng đó được phát huy và đưa đến những kết quả thực sự.

1.- Một số người Việt Nam rất tự hào về tính hiếu học của người mình. Thậm chí, còn khẳng định rằng người mình « hơn người nơi khác » trên điểm đó, vì lẽ con em mình học hành ngoan ngoãn, chăm chỉ. Tôi không hoàn toàn chia sẻ thái độ ấy, vì việc học cần được phân tích trên nhiều khía cạnh và mức độ. Sự hiếu học được quan niệm là sự ham muốn trau dồi hiểu biết, hay là sự cặm cụi học mong thi đỗ để được hiển đạt ? Nêu thử xem thí dụ ở Paris, hiện có hai cơ sở dành cho sự trau dồi hiểu biết thêm : « Université inter-âges » (Đại học cho mọi tuổi), « Université de tous les savoirs » (Đại học của mọi sự hiểu biết), do các đại học chính thức tổ chức, có các lớp mở vào buổi tối, cho các ông bà cao tuổi, đã về hưu, cho những ai muốn học hỏi thêm cho biết, mà chẳng có thi cử, phát bằng cấp gì cả, mặc dù phải đóng học phí. Không biết đó có phải là dấu hiệu của sự thua kém của người nước này trong sự hiếu học không, nhưng không thấy người nơi đây tự ti hay khoe sự hiếu học của họ .

2.- Rồi những người [Việt Nam rất tự hào về tính hiếu học của người mình] đó - tất nhiên là có cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài - cũng rất tự hào về sự học giỏi của người mình. Theo họ, « học giỏi » có nghĩa là đứng đầu lớp, đi thi đua, thi quốc tế giạt được giải nhất nhì, đi thi tuyển lọt được vào các trường lớn, vv., (hàm ý việc có « các thầy ngồi trên » ra đầu bài cho mà tìm lời đáp: người thi muốn được xếp hạng cao cần một sự hiểu nhanh, đón được ý của người hỏi, thuộc sách và trả bài đúng); hoặc « học giỏi » là biết học dần hàng ngang, môn này một chút môn kia một chút, nhiều bằng cấp khác nhau chừng nào thích chừng nấy ; hoặc cao siêu hơn nữa thì đánh giá

nhau qua « sự thông thái qua sự thuộc sách, dẫn sách, dẫn tư tưởng của người khác » - doctus cum libro, như tôi đã có dịp viết. Họ đánh giá sự thành công của một số học sinh ta ra nước ngoài học đạt kết quả là « hơn cả người bản xứ ». Thậm chí họ còn muốn gắn quan niệm « học giỏi » này với một định nghĩa của « bản tính thông minh » của người mình. Theo tôi, hình như quan niệm này về sự « thông minh » đã có từ lâu đời ở ta, dựa trên sự cao thấp tương đối. Tôi không phủ nhận hoàn toàn quan niệm đó, vì mặt nào nó cũng dựa trên một số tiêu chuẩn tương đối khách quan và công bằng trong cách đánh giá ; nhưng theo tôi nó khiếm khuyết, nó cần được xem lại và được bổ sung. Thuở xưa, khi xã hội Việt Nam khép kín, cuộc thi đua lựa chọn, chẳng qua là « ở nhà, nhất mẹ nhì con ». Tưởng rằng trong một xã hội khép kín như vậy, chỉ có vấn đề « ngôi thứ, chiếu trên chiếu dưới » thôi; thế mà hậu quả cũng đã là xã hội Việt Nam chậm tiến so với nhiều xã hội khác, « ra đường còn lấm kẻ giòn hơn ta »; và vì vậy đã một thời mất độc lập tự chủ (như hồi thế kỉ 19).

Về vấn đề du học sinh Việt Nam, tạm bỏ sang một bên những trường hợp thất bại mà chỉ xét những trường hợp thành đạt thôi đã. Tất nhiên, tôi luôn luôn vui mừng trước sự thành đạt của con em người mình, nhưng ta cũng nên đánh giá cho đúng mức. Tôi xin nhắc câu chuyện « Quát chua », như một [phản]-thí dụ:

Án Tử nước Tề, đi sứ sang nước Sở. Vua Sở muốn làm nhục, sai lính giả trói người mang đến trước tiệc ; lính thưa rằng đó là người Tề ngụ cư ở Sở, vì ăn trộm nên bị bắt. Vua Sở bảo Án Tử: « Người Tề hay trộm cắp lắm nhỉ ». Án Tử đứng dậy thưa rằng: « Quát ở đất Hoài Nam là quát ngọt, đem sang giồng ở Hoài Bắc thì thành quát chua; người Tề ở Tề thì lương thiện, sang Sở thì thành trộm cắp, thế là tại thủy thổ mà biến ra ».

Vậy thì con em mình, khi ở trong nước, việc học không đạt, ra ngoài thì thành công, phải chăng cũng là do việc tổ chức giáo dục đào tạo của nước người ta tốt hơn, chứ đâu chỉ do tài học của con em mình !

Lại liên tưởng đến sự tự mãn về việc một số con em mình thi đua đạt giải « hơn » người nước ngoài, trong khi ta không nhìn thấy số còn lại học hành thất bại. Tôi nhớ đến câu chuyện cổ tích « đua ngựa » mà cả phương tây và phương đông đều có. Xin nhắc ở đây « bản » Trung quốc của chuyện « đua ngựa » này:

Thời Chiến quốc (trong chuyện Tôn Tẫn, Bàng Quyên), vua Tề và tướng Điền Kỵ đua ngựa, theo lệ đua ba « lượt ». Mỗi lượt thắng thì được cuộc ngàn vàng. Tôn Tẫn bày mưu cho Điền Kỵ: đem

ngựa hạng 3 của mình đua với ngựa hạng nhất của vua; rồi đem ngựa hạng nhất của mình để thắng ngựa hạng 2 của vua; và đem ngựa hạng 2 của mình để thắng ngựa hạng 3 của vua; như vậy là tuy thua « lượt » đầu, nhưng thắng hai « lượt » sau.

Thế mới là mưu khôn. Còn nếu chỉ mới so sánh con em hạng nhất của mình với con em hạng thường của người ta, sao đã ngỡ là ta hơn người ? Có lẽ ta chỉ nên khiêm tốn nhận định rằng ta cũng có khả năng học như người nơi khác, họ có thể thành đạt thì ta cũng có thể thành đạt.

Ngày nay, trong khung cảnh toàn cầu hoá, lại càng cần thiết xem lại xem cái định nghĩa « thông minh » kiểu nói trên có phù hợp không.

3.- Trong một xã hội đang trên đà tiến triển, nhu cầu cần giải đáp các vấn đề nảy sinh, làm cho việc tìm tòi, nghiên cứu, trở nên quan trọng : phải biết đón trước những vấn đề cần được nêu ra, và biết mang lại lời giải cho những vấn đề đó hoặc những vấn đề còn bỏ ngõ (tất nhiên hiểu theo nghĩa là mang lại những lời giải mới, trước đó chưa ai mang lại). Biết tìm ra giải đáp cho các loại vấn đề nêu trên - cũng như khả năng sáng tác - là một dạng « thông minh » khác. Nó nằm bên ngoài nhu cầu xếp ngôi thứ kiểu học trò; nó là dạng « thông minh » trưởng thành. Dùng danh « học giỏi » ở mức độ này, có thể không phù hợp nữa. Nó đã chuyển sang cái quan niệm « nhân tài » mà ngày nay thường hay nghe nói; thế mà « nhân tài » là gì thì dường như ở ta chưa thấy mấy ai định nghĩa. Nhưng qua một số người Việt Nam phát biểu, trong nước cũng như ngoài nước, cảm tưởng của tôi là họ quan niệm nhân tài là những người « học giỏi » theo nghĩa nói trên, và hơn thế nữa, là những người có bằng cấp và danh hiệu, (đồng thời lại có hiện tượng hiểu sai bằng cấp, danh hiệu, chức vụ của nơi khác trên thế giới). Tôi thì nghĩ khác. Tôi muốn thử không đặt vấn đề « nhân tài », mà đặt vấn đề người « biết việc », bởi vì theo tôi, ở mức độ cả nước, không nên đặt vấn đề danh hã, mà nên đặt vấn đề đào tạo sao cho có những người có khả năng thực sự để đáp ứng những nhu cầu cần thiết trong mọi ngành nghề, trong mọi cấp bậc. Và cũng vì thế mà khi đặt vấn đề đào tạo người « biết việc », tôi không chỉ nghĩ đến học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh « giỏi » theo nghĩa thi đua với nhau, mà nghĩ cả đến đội ngũ những người nghiên cứu, các nhà giáo có khả năng phù hợp, và nghĩ đến quan niệm về giáo dục đào tạo, nghĩ đến cách tổ chức các trường, các ngành... nữa.

4.- Lại nói thêm về vấn đề « nhân tài ». Hiện nay, xem chừng như có sự tiếm xưng, tự tôn vinh hay tôn vinh quá đáng, gây ra một sự lẫn lộn không lành mạnh. Khởi thủy là một sự hiểu sai thông tin. Trong một khoảng thời gian mấy chục năm, tổ chức việc học đại học và cơ sở nghiên cứu của ta chịu ảnh hưởng của Liên Xô. Theo cách tổ chức đó, vai trò của Viện Hàn lâm rất lớn, bao gộp

hầu hết các viện nghiên cứu, và do một số thành tựu khoa học thuở đó của Liên Xô, danh hiệu viện sĩ được một số người Việt Nam chiêm ngưỡng, nhất là khi danh hiệu này có trọng lượng trong lĩnh vực quản lý khoa học và có kèm theo những ưu đãi vật chất. Gần đây, khi nước nhà đổi mới, mở cửa ra quốc tế, một số nhà khoa học Việt Nam có dịp tiếp xúc với Mỹ và Tây Âu, đã gặp loáng thoáng loại danh từ tương tự, nên đã xảy ra một sự ngộ nhận. Academy (tiếng Mỹ), Académie (tiếng Pháp) bị một số người hiểu lầm là Viện Hàn lâm Quốc gia trong bất cứ trường hợp nào; trong khi đó từ này có thể là tên gọi của một hội khoa học tư, đóng một số tiền thì có thể gia nhập, như New York Academy of Sciences; hoặc có nghĩa là nơi mà người ta hành một thuật, một trò giải trí như Académie Equitation Western (cuối ngựa kiểu cao bồi), Académie de billard (trò chơi bi-a), tất nhiên người gia nhập không thể gọi là viện sĩ được. Từ sự ngộ nhận, nghe nói đã có trường hợp tiến tới sự nhập nhằng tiếm xưng và được tôn vinh. Trong một vài bài báo từ năm 1999, cũng như một số người khác, tôi có báo động việc này, nhưng có lẽ không mấy ai chú ý.

Năm 2000, gặp lúc nêu vấn đề có nên thành lập Viện Hàn lâm ở Việt Nam không, tôi cũng có viết thư kiến nghị và sau đó ít lâu, tôi có viết một bài báo đăng trong mục Nhịp cầu của báo Nông Nghiệp Việt Nam 29/11/2001, nguyên văn như sau :

Một viện Hàn lâm khoa học lúc này ở Việt Nam ?

Tôi nghe nói là có một dự án trong nước, muốn thành lập Viện Hàn lâm khoa học lúc này. Quyết định nên hay không nên, theo ý tôi , tùy thuộc 3 câu hỏi sau đây:

Lập Viện Hàn lâm để làm gì? Lập theo kiểu nào? Thời điểm có thuận lợi hay không?

- a/ Để có thể đề cập đến câu hỏi 1, trước hết phải đề cập đến câu hỏi 2. Có Viện Hàn lâm theo kiểu phương Tây, và có Viện Hàn lâm theo kiểu Liên Xô [nghĩa là kiểu phương Tây cộng thêm các cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm trực thuộc].

- b/ Nói một cách tóm tắt, một Viện Hàn lâm [kiểu phương Tây] nếu có, đóng vai trò « kiểm định và tư vấn » : để định các chuẩn, để thẩm định các vấn đề khoa học kỹ thuật, phân biệt cái thực cái rờm, để có ý kiến khi nhà cầm quyền hỏi ý, để báo động trước dư luận trên các vấn đề lớn vv. [Nhưng khó có thể gán cho Viện Hàn lâm một vai trò « hướng đạo », bởi vì cái gì mới mẻ, thường mang tính chất « ngoại đạo », do đó khó có thể chờ đợi ở một cơ sở như Viện Hàn lâm một vai trò luôn luôn tiên phong được]. Trong khi đó thì một Viện Hàn lâm kiểu Liên Xô, với các cơ sở

nghiên cứu, phòng thí nghiệm trực thuộc, đương nhiên trở thành « vừa là người trọng tài, vừa là người đá bóng »: vì có sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm của mình, luôn luôn có nguy cơ kéo bè phái, giành giật ngân quỹ, gây ảnh hưởng ; nhất là khi quá phụ thuộc vào ngân quỹ nhà nước, Viện Hàn lâm sẽ mất tính độc lập về khoa học, và dễ bị sức ép lạc hướng [trường hợp của Lyssenko là một thí dụ].

- c/ Những lý luận kể trên, dù là tóm tắt, là những lý luận « bình thường » dựa trên lợi ích của xã hội. Trong một tình trạng khoa học kỹ thuật và một tình trạng xã hội chưa hoàn toàn bình thường, nguy cơ lý luận dựa trên lợi ích cá nhân tất nhiên tồn tại: tất có người cần danh hiệu [tuy ta đã có nhiều công cụ để tôn vinh: danh hiệu « anh hùng », « nhà giáo nhân dân », huân huy chương, giải thưởng Hồ Chí Minh, vv.], tất có người cần tiền [có cơ sở nghiên cứu, có phòng thí nghiệm thì mới có ngân quỹ], tất có người cần thế lực [có cơ sở thì mới có quân, có quân thì mới có thế lực...]. Không phải ai cũng lý luận theo lợi ích cá nhân, nhưng nguy cơ nói trên không thể coi nhẹ.

Ngoài ra, ở những nước đã phát triển mới có những trường hợp phát minh ra những vấn đề khoa học thật mới mẻ chưa ai hề biết, nên sự kiểm định mới đặt ra ở mức cao siêu. Còn tình hình của ta hiện nay, vấn đề mới mẻ về khoa học kỹ thuật chẳng qua mới chỉ là sự phù hợp hoá (dù là tinh vi) vào khung cảnh của mình những điều mà trên thế giới đã biết thực hư, cho nên chưa cần có một cơ sở như viện Hàn lâm. Thành lập một viện Hàn lâm đâu có phải chỉ để tôn vinh một số người « xứng đáng ». Vì vậy không nên vội vã.

Do đó, tôi thiết tưởng:

- Khoan khoan đợi cho tình hình giáo dục đào tạo, tình hình khoa học kỹ thuật được chấn chỉnh, tình hình xã hội nói chung được sáng sủa hơn đã, lúc đó sẽ nêu lại vấn đề thành lập một viện Hàn lâm. Đó là thượng kế.

- Thảng hoặc, nếu vì những lý do gì đó mà không cưỡng lại được việc thành lập một Viện Hàn lâm lúc này, thì nên lập theo kiểu phương Tây. Nó phù hợp hơn là một viện Hàn lâm kiểu khác. [Trong một khung cảnh toàn cầu hoá, ta cần một sự hội nhập, xin chớ viện cớ « độc đáo » của riêng ta, mà rồi thành lạc lõng so với sự phát triển khoa học toàn cầu]. Đó là trung kế.

- Còn lập một viện Hàn lâm kiểu Liên Xô, mà chính ở các nước đang có người ta cũng than phiền, thì là hạ kế.

Tôi là người định cư ở nước ngoài, lại không phải là viện sĩ. Có thể có người hồ nghi lời tôi nói. Vì vậy, nên tìm hỏi ý một vài nhà khoa học lão thành nào đó trong nước, vô tư, khách quan, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục đào tạo và nền khoa học nước nhà, để có những quyết định tinh táo và chuẩn xác.

Nhưng cũng không chỉ có vấn đề danh hiệu viện sĩ. Thí dụ như có sự hiểu nhầm về Post-doctorate, (gọi tắt là Postdoc), do dịch nguyên văn là hậu tiến sĩ, bị vài người hiểu nhầm là một học vị siêu tiến sĩ ; thực ra đó không phải là một học vị, mà là một giai đoạn, đôi khi là một cách cho một số người có bằng tiến sĩ làm nghiên cứu thêm trong khi chờ đợi được chức vụ trong giáo giới hay được một công việc làm ăn gì ổn định (có những người tiến sĩ trội hơn hay may mắn hơn, trở thành giáo sư mà không cần phải qua Postdoc). Một thí dụ khác về sự ngộ nhận : một vài người Việt Nam khi được nhà xuất bản (ngoại quốc) loại tập « danh sách danh nhân » dụ dỗ nếu đóng một số tiền thì họ sẽ đăng tên trong danh sách này, đã ngỡ rằng thực mình đã thành danh nhân thế giới.

Có những người khắt khe, coi tất cả những trường hợp ngộ nhận là do trí trá. Nhưng tôi thì luôn luôn có ý muốn « giảm khinh » (nghĩa là « giảm nhẹ ») có lẽ vì tôi bị ảnh hưởng của câu chuyện ngụ ngôn thỏ nhỏ học trong một cuốn giáo khoa thư, mang máng nhớ như sau :

Có một bác nông dân, ra tỉnh, vào một hàng kính, hỏi mua một cặp kính trắng. Chủ hiệu đưa cho bác một trang sách để bác thử đọc. Bác thử tất cả các cặp kính của hiệu mà vẫn không vừa lòng. Chủ hiệu đâm nghi hỏi: « Thế bác đã biết đọc chưa đã ? ». Bác ta nổi giận gất lên : « Nếu tôi biết đọc rồi, thì tôi đi mua kính làm gì ! ». Té ra bác ấy thấy mấy người già đọc sách thường đeo kính, nên ngỡ rằng cứ đeo kính lên thì đọc được chữ mà chẳng cần phải học.

Chỉ vì quá trọng cái vỏ bên ngoài nên mới hiểu sai, đánh giá sai.

5.- Bên cạnh sự hiểu sai thông tin, lại có hiện tượng dẫn bằng cấp để tôn vinh. Tôi xin được bày tỏ ý kiến của tôi như sau :

Đối với bằng cấp, có mấy thái độ cực đoan. Có người dẫn việc « học để biết, chứ không phải để lấy bằng » để chứng minh rằng chẳng cần bằng cấp làm gì. Thậm chí, có người còn dẫn cả thí dụ Hồ Chủ tịch và Đại tướng Võ nguyên Giáp [chưa từng học trường võ bị nào]. Tôi thiết tưởng, ai làm nên sự nghiệp lớn thì đó là vĩ nhân, độc lập với bằng cấp. Về trường hợp Hồ Chủ tịch, là sự tự học hỏi ở « trường đời ». Tôi còn nhớ học giả Hoàng Xuân Hãn, ở Pháp vào những năm cuối

đòi mình, đã mấy lần tâm sự với tôi: vào thời điểm 1945, nếu không phải là Hồ Chủ tịch, với sự hiểu biết lịch lãm về tình hình thế giới và việc đòi, và với tài ba ứng xử, thì không biết nước mình đi vào đâu... Nhận xét này ở miệng một nhà trí thức, một sử gia, mang một ý nghĩa về chữ « Học ». Về trường hợp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, xin cho tôi được nhắc lại hai câu đầu bài thơ tôi tặng ông (bài thơ đã được nhắc đến trong lúc mở đầu cuốn phim « Cây cao bóng cả » chiếu trên kênh vô tuyến truyền hình VTV3 vào dịp mừng thọ ông 90 tuổi):

Trời Nam đâu được mấy ai,

Thư sinh mà lại sẵn tài lược thao.

Đó là tôi cũng muốn nói đến việc người « thư sinh » này thờ còn trong trường đại học, có nghe bài giảng quân sự nào đâu. Trong trường hợp này, việc học là do sự tự tìm tòi hiểu biết và nghiền ngẫm.

Nhưng trong một xã hội, đâu có phải toàn vĩ nhân cả! Tôi thiết tưởng cái hay của một nền giáo dục đào tạo là : trong một xã hội « bình thường » (ở đây, « bình thường » không phải là « tầm thường », mà nghĩa là « lành mạnh »), giáo dục được những con người « bình thường » thành những công dân « bình thường », đào tạo họ thành những con người « biết việc », đảm nhiệm tốt những công việc « bình thường ». Đối với những người không có điều kiện đi học ở trường và đi thi, thì ai dám trách là không có bằng cấp? Còn những người có điều kiện đi học và có điều kiện đi thi, mà không có bằng cấp, thì nên an phận đừng viện cớ để tự biện minh.

Nay tôi muốn nói đến cái thái cực thứ hai, là sự tôn vinh quá đáng. Sự tôn vinh này có thể do ở sự ngay thật, không biết, mà ra. Xin nêu ở đây một thí dụ. Trạng nguyên Lương Thế Vinh (1441- ?) mà tài liệu xưa nói là tác giả sách Đại thành toán pháp, và (theo cuốn Từ điển văn hoá Việt Nam 1993): các thế hệ đời sau nói là ông đã lập chí hướng để trở thành « thần cơ diệu toán vạn niên sư ». Tôi không có khả năng để đọc cuốn Đại thành toán pháp (còn có một bản mang tên Toán pháp đại thành), nhưng cách đây hai năm trong một xê-mi-na ở Đại học Paris, một nhà nghiên cứu ngoại quốc về môn Sử Toán học có thuyết trình về cuốn sách này mà ông ta đã đọc cả 2 bản. Theo ông ta, con số « pi » [dùng để tính chu vi và diện tích vòng tròn] trong cuốn sách là con số 3. Tôi xin nhắc lại về con số « pi » này: với người xứ Babylone dùng bốn nghìn năm trước đây là khoảng 3,1 ; với nhà bác học Archimède (Ac-ki-mê-đét người Hy Lạp, thế kỉ thứ ba trước Tây lịch) là khoảng 3,14 ; với nhà toán học Ấn Độ Aryabhatta thế kỉ thứ năm, là khoảng 3,1416 ; cũng như với mấy nhà toán học Trung quốc thờ xưa... Dùng con số 3 ở thế kỉ 15, không thể gọi là

chính xác lắm. Nhưng cũng phải nói rằng trước ông Lương Thế Vinh, khi nhà Minh xâm chiếm nước ta (1414-1427), họ áp dụng chính sách đồng hóa và ngu dân, bao nhiêu sách ở ta đều bị họ thu nhặt đem về Tàu hoặc đốt đi. Có lẽ là dưới triều vua Lê Thánh tông mới tìm thu thập lại sách cổ ; cuốn sách của Lương Thế Vinh ra đời trong khung cảnh đó, nên cũng đáng được trân trọng. Nhưng danh hiệu « thần cơ diệu toán » xét ra cũng chỉ là tương đối nội bộ, còn « vạn niên sư » thì người tôn xưng có lẽ không có ý khuyến khích kẻ hậu sinh tiến nhanh hơn bậc tiền bối.

Gần đây hơn, khi Cách mạng Tháng tám thành công, khi nền Dân chủ Cộng hoà thành lập, và tiếp theo đó là hai cuộc kháng chiến kéo dài ba mươi năm, đã phải xây dựng một nền giáo dục đào tạo, một nền khoa học, học thuật, hầu như « từ không cho đến có ». Trong đám người đảm nhiệm trọng trách này, trừ vài trường hợp hiếm hoi của vài vị thật sự đã có điều kiện học đỗ bậc đại khoa, còn lại các vị các vị thường là những người chưa thật sự đỗ được bằng cấp cao, ngay cả trong số người đã du học ở nước ngoài. Nhưng mấy vị đó thuộc loại người mà tôi xin mượn hai câu Lục Vân Tiên để tả:

Biết đâu chùa rách phật vàng,

Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân.

Đó là buổi « thời thế tạo anh hùng » mà làm nên sự nghiệp. Tất nhiên chúng ta phải trân trọng, và ghi nhớ công lao. Ở đây, ý tôi muốn phát biểu là nên đánh giá con người qua thành quả của công việc, chứ người viết tiểu sử đừng nên « đi thêm một bước » nữa là : vì có thành quả nên phải tạo ra một quá khứ vinh quang về học giỏi, về học vị lớn và chức vụ quan trọng trước đó để đề cao. Cũng có vài trường hợp tự tôn vinh, kiêu báo cáo thành tích, thực ít, hư nhiều, có lẽ vì xu thế của xã hội như vậy, phải là người có bản lĩnh lớn mới tránh được.

Còn ngày nay, đất nước đã an bình, mọi việc trên nguyên tắc đều đi vào chính qui. Thiết tưởng nền tảng của giáo dục đào tạo nên dựa trên những mục tiêu ích lợi chung, chứ đừng nên dựa trên những mục tiêu tôn vinh cá nhân. Bằng cấp đặt ra là để đánh giá mức học hành hiểu biết, không phải để khoe mẽ. Hoặc như muốn trọng vọng bằng cấp một cách thẳng thắn, thì nên bắt chước ông Phùng Khắc Khoan (1528-1613) : ông đã làm quan to rồi mà còn trở lại đi thi để rồi đỗ Hoàng giáp (năm 1580) mới thoả. [Ông được người đương thời trọng vọng, trong dân gian thường gọi ông là « Trạng Bùng », nhưng kỳ thật ra ông không đỗ Trạng nguyên mà chỉ đỗ nhị giáp tiến sĩ như vừa nói trên]. Một xã hội mà trong đó vài người « bình thường » đã được coi là « xuất chúng », thì đã không lành mạnh ; nếu người chưa đạt tới mức độ « bình thường » cũng coi là «

xuất chúng » thì mỗi nguy đã ngập nghề. Bởi vì đó là một cách vô tình góp phần tạo môi trường cho những bằng cấp rơm và danh hiệu rơm nẩy nở, nhất là ngày nay cũng không áp đặt được những biện pháp như thời Lê mạt : năm 1751, việc thi ở các trường nhiều gian lận, công nhiên nhờ cậy nhau lấy đỗ, dư luận xôn xao ; chúa Trịnh Doanh giận, bắt cống sĩ thi lại ở bãi sông, đánh trượt quá nửa.

Quá tôn vinh bằng cấp, đã là một việc không hay. Tôn vinh chức danh, lại càng không hay.

6.- Lại liên tưởng đến vấn đề « vai, vế » . Xưa kia, thời phong kiến, triều đình vua chúa ta đã có sự phân biệt rạch ròi giữa « chức, tước, phẩm, hàm ». Theo tôi hiểu thì: a) Phong « chức », có nghĩa là trao cho nhiệm vụ để làm việc (Tể tướng, Thượng thư, Thị lang vv. thuở xưa là những chức). b) Phong « tước » là để thưởng công, thí dụ như có công lao như dẹp giặc (công, hầu, bá, tử, nam, là 5 tước sau tước vương, vv.). Trên cụ thể, tùy theo tước cao hay thấp, người có tước được hưởng lộc, lấy thuế của một xã hay một vùng dân để tiêu dùng. c) « Phẩm » là để định thứ bậc cao thấp, không những vì lương nhiều hay ít, mà còn vấn đề « thứ tự lễ tân » nữa, thí dụ như khi đình đám, hội hè, ai đứng trước ai đứng sau (quan võ, quan văn, mà trong đám quan văn lại có quan bộ Lại, quan bộ Lễ, quan bộ Hình, vv...). d) Phong « hàm » là cho cái danh. Không những các quan lại ngày xưa có chức mà có thể có thêm hàm ; cũng có những người không có chức mà vẫn có hàm: thí dụ như trường hợp những người bỏ tiền ra để « mua » hàm, để có vai vế trong làng, khỏi phải đi phục dịch làm phu phen vv. Khi chính quyền phong hàm cho một số người, nhưng không trao chức cho họ, là vì biết họ không có khả năng làm việc. Sử còn khen Hưng Đạo vương về việc được vua Trần cho phép phong quan cho những nhà giàu góp tiền đánh giặc Nguyên, nhưng Hưng Đạo vương chỉ phong cho họ là « giả lang tướng » (nghĩa là ông tướng cho vay lương) thôi, chứ không trao cho chức thật. Thời nào mà để lẫn chức tước phẩm hàm với nhau, đem « chức » thưởng cho « người-có-công-nhưng-không-có-khả-năng-làm-việc » thì là loạn.

Còn « chiếu trên, chiếu dưới », ngoài nghĩa bóng còn có nghĩa đen. Thuở nhỏ tôi có thấy ở đình làng, hội họp ăn cỗ, thấy trái chiếu trên bực cao cho những người có vai vế, dần dần xuống thấp cho kẻ kém thế hơn. Đó cũng là một cách phô trương quyền lực. Lại liên tưởng tới chuyện Timur Leng (Tamerlan) tiếp sứ ở kinh đô Samarcande vào năm 1404. Năm đó, sứ thần của vua Henri III xứ Castille là Ruy Gonzales de Clavijo mang lễ vật đến cầu thân, được tiếp đón niềm nở. Cùng thời gian đó, một đoàn 800 lạc đà thồ hàng hoá từ Trung quốc tới, bị giam giữ ở Samarcande, và sứ thần Trung quốc An Chi Tao bị đối xử tệ. Sách kể rằng nghi lễ ở triều đình Samarcande cũng tương tự như ở các triều đình châu Âu lúc đó, nhưng trong các buổi tiệc, Timur Leng cho sứ thần Clavijo ngồi trên bực cao và bắt sứ thần An Chi Tao ngồi thấp hơn để làm nhục vua Vĩnh Lạc

(Young Lo, nhà Minh), vì lúc đó Timur Leng đang dự tính thôn tính Trung quốc. Đây là thái độ ngoại giao, nó có lý do của nó. Còn nếu chỉ vì cái hư danh hão mà cài vào việc Học để toan tính cao thấp, thì không đáng.

7.- Vào một thời điểm mà sự ham muốn về danh vọng đang nở rộ, có lẽ cũng nên nhìn lại quá khứ xem tổ tiên ta thuở trước giải quyết vấn đề như thế nào. Vì thế nên tôi viết bài báo sau đây, đưa đăng trong mục Nhịp cầu, báo Nông Nghiệp Việt Nam, 15/4/2002, nguyên văn như sau :

Bán hàm

Một trong những vấn đề quan trọng nhất của giáo dục đào tạo là vấn đề « đúng tiêu chuẩn ». Nói một cách đơn giản, đó là vấn đề giữ sao cho bằng cấp đánh giá đúng được với khối lượng hiểu biết, danh hiệu đúng được với cấp bậc, chức vụ đúng được với khả năng làm việc. Thuở xưa ở nước ta, vào những thời thịnh, khi các tiêu chuẩn về việc học hành đào tạo giữ được đúng, thì dư luận tôn trọng kẻ sĩ ; vào thời suy vong, thì dư luận mỉa mai kẻ có hư danh mà không có thực học. Ngày nay, có lẽ là thời trước mắt đang thịnh về kinh tế, nhưng đồng thời dường như dư luận coi việc chấn chỉnh nền giáo dục đào tạo là việc bức xúc. Có những điều hiển nhiên dễ thấy như : nếu trao bằng y khoa bác sỹ cho người không đủ hiểu biết, thì chữa bệnh, giải phẫu, có thể chết người ; nếu trao bằng kỹ sư cho người không đủ hiểu biết, thì sụp cầu, vỡ đập, tai họa có thể xảy ra ... Nhưng cũng có những điều khó thấy hơn, tưởng như không quan hệ gì mấy, thật ra âm ỉ hơn, hậu quả lâu dài hơn, khó chữa hơn, mà duyên do cũng vẫn là vì không « đúng tiêu chuẩn ». Hiểu sai, lý luận sai, đạo lý sai, giải mã thông tin sai, chuyên giao hiểu biết sai ... rồi một ngày nào đó tất nhiên sẽ đưa đến những lựa chọn sai, quyết định sai, như đã từng thấy trong thế kỉ 19 ở ta.

Tôi không có ý định nói dông dài ; chỉ xin tập trung vào một khía cạnh của vấn đề : danh hiệu sai. Nếu danh hiệu chỉ là thứ áo mã, thì có lẽ không hại lắm. Nhưng trong một xã hội mà tiếng nói của người có « danh vọng trong nền học vấn » còn đang có trọng lượng lớn, « danh hiệu không đúng tiêu chuẩn » có tầm quan trọng của nó : chỉ phán « sai một li » là công việc có thể lệch « đi một dặm ». Thế mà « danh hiệu không đúng tiêu chuẩn » thì dường như đang nhờn như dây dầy, được coi như trò đùa trong thiên hạ. Nếu quả thật giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, nếu quả thật việc chấn chỉnh nền giáo dục đào tạo là việc bức xúc, thì song song với những khâu khác, thiết tưởng cũng nên có giải pháp giải quyết khâu này. Nhưng tìm ra được một giải pháp có hiệu quả, chắc là khó, vì hiện nay, đang nở rộ thời thượng tôn xung, tiếm xung, vinh phong... Nào là giáo sư viện sĩ, nào là giáo sư tiến sĩ, nào là danh nhân thế giới, danh hiệu thật, danh hiệu giả, vàng thau lẫn lộn.

Vì vậy tôi xin được luận một chút về kinh nghiệm người xưa.

Trong một bài viết trước đây, tôi có nhắc việc tổ tiên ta thuở xưa có kinh nghiệm phân biệt rõ ràng : chức, tước, phẩm, hàm. Nhưng đặc biệt chú trọng phân biệt chức và hàm : chức là để thực hiện công việc, cho nên rất quan trọng ; hàm là để cho có danh, cho nên phần nào coi là phù phiếm. Vì thế nên chính quyền thuở xưa có lệ cho phép mua « hàm » : người có tiền có thể trả một số tiền để được phong một [hư] « hàm » , (đó cũng là trường hợp của những ông « hàn », mà ta còn thấy ngay hồi trước Cách mạng Tháng tám 1945 : hàn lâm viện đãi chiếu, hàn lâm viện cung phụng, vv.). Ngoài cái danh, người mua được « hàm » còn có chút vai vế trong làng, ra đình được ngồi chiếu trên, được miễn sưu dịch đi phu cho nhà nước, cho nên danh cũng không phải hoàn toàn là hão. Số tiền mua thường là để xây trường, mở chợ, xây cầu, ..., cũng là việc ích chung. Đòi bên cùng có lợi, mà không phạm vào công việc hành chính nhà nước.

Ngày nay, nghe đồn có một vài người hám danh, dùng tiền của cơ quan để : trả niên liễm cho một vài hội khoa học tư ngoại quốc để tiếm xưng « viện sĩ », trả niên liễm cho mấy nhà xuất bản cái mà họ gọi là danh sách « danh nhân thế giới », để được đề cao, vv. Thay vì để việc này tiếp tục, vừa không đẹp cho hình ảnh nước nhà, vừa phạm vào việc « danh hiệu không đúng tiêu chuẩn » nói trên, có thể nào bắt chước tổ tiên ta trong cách giải quyết không ? Xin nêu hai thí dụ. Nước ta hiện nay chưa có [và chưa cần thiết có] Viện Hàn lâm, có thể nào qui định cho phép những ai muốn, bỏ tiền ra mua một hư hàm « Viện sĩ ». Như vậy, không những thoả mãn được ham muốn của họ, mà còn lấy tiền của họ để làm việc công ích như giúp học bổng cho sinh viên học sinh, tu sửa trường sở, bồi dưỡng cho những cán bộ giảng dạy chân chính, vv. ? Đồng thời lại giúp họ tránh được việc tiếm dụng công quỹ để trả niên liễm như kẻ trên : đã đành đó không phải là tham nhũng (vì theo từ điển, « tham nhũng » là lợi dụng quyền hành để những nhiều dân để lấy của cải), nhưng dường như hành động đó không xa với định nghĩa của « tham ô » (« lợi dụng quyền hạn hoặc chức trách để dùng lạm của công ») ? Lại có thể nào cho phép mấy nhà xuất bản của một vài cơ quan nhà nước, trước đây đã bỏ của công ra đăng những cuốn sách tôn vinh một vài « danh nhân không đúng tiêu chuẩn », nay được phép « bán chỗ » trong các « danh sách danh nhân » địa phương cho những ai muốn có tên trên các danh sách đó, xen lẫn với vài tên danh nhân thế giới ? Tiền thu được vào công quỹ để làm những việc thực sự có ích cho nền giáo dục đào tạo nước nhà, phải chăng cũng là một việc tốt ?

Tôi ở xa, vì lòng thành mà phát biểu, nếu không phù hợp, xin thông cảm cho tôi. Nhưng vấn đề quá quan trọng để có thể coi nhẹ, đùa bỡn hay giễu cợt.